

Số: /TB-SKHCN

Cần Thơ, ngày tháng 10 năm 2025

THÔNG BÁO

Danh mục thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả giải quyết không phụ thuộc vào địa giới hành chính của Sở Khoa học và Công nghệ và Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn thành phố Cần Thơ

Căn cứ Quyết định số 1126/QĐ-UBND ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc phê duyệt Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực khoa học và công nghệ thực hiện tiếp nhận và trả kết quả giải quyết không phụ thuộc vào địa giới hành chính của Sở Khoa học và Công nghệ và Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn thành phố Cần Thơ;

Căn cứ Quyết định số 1399/QĐ-UBND ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện tiếp nhận và trả kết quả giải quyết không phụ thuộc vào địa giới hành chính trên địa bàn thành phố Cần Thơ;

Căn cứ Quyết định số 1444/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực khoa học và công nghệ thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ;

Căn cứ Công văn số 1388/UBND-HCC ngày 23 tháng 9 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về việc khẩn trương hoàn thành các mục tiêu tại Kế hoạch số 56/KH-UBND và triển khai hướng dẫn công bố, công khai, rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ;

Căn cứ Công văn số 3160/VPUB-HCC ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc công khai thủ tục hành chính thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính tại các Trung tâm Phục vụ hành chính công trên địa bàn thành phố.

Sở Khoa học và Công nghệ thông báo **Danh mục thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả giải quyết không phụ thuộc vào địa giới hành chính** của Sở Khoa học và Công nghệ và Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn thành phố Cần Thơ (*Chi tiết xem tại Phụ lục đính kèm*); đồng thời, Sở đã tổ chức **cắt giảm 30% thời gian xử lý hồ sơ theo quy định đối với 100% thủ tục hành chính** tổ chức, cá nhân có nhu cầu thực hiện thủ tục hành chính có thể sử dụng phương thức nộp hồ sơ trực tuyến thông qua Cổng dịch vụ công quốc gia (địa chỉ ***dichvucong.gov.vn***); xem hướng dẫn tại mục “**Hỗ trợ**”, “**Hướng dẫn sử dụng**”.

Mọi khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện xin vui lòng liên hệ Sở Khoa học và Công nghệ (Bà Huỳnh Thiên Trúc, số điện thoại: 0374615322 hoặc 0292.3820674, hộp thư điện tử: sokhcn@cantho.gov.vn).

Sở Khoa học và Công nghệ TP. Cần Thơ thông báo đến các cá nhân, tổ chức được biết./.

(Đính kèm Phụ lục Danh mục thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả giải quyết không phụ thuộc vào địa giới hành chính của Sở Khoa học và Công nghệ và Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn thành phố Cần Thơ)

Nơi nhận:

- UBND TP (để b/c);
- Các sở, ban, ngành TP;
- Các bệnh viện, doanh nghiệp trên địa bàn TP.Cần Thơ;
- Các Viện, Trường;
- Ban Giám đốc sở (để biết);
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở (để t/h);
- Công TTĐT Sở KH&CN;
- Lưu: VT, VP_{HTT}.

GIÁM ĐỐC

Ngô Anh Tín

Phụ lục II
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN TIẾP NHẬN VÀ TRẢ
KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT KHÔNG PHỤ THUỘC VÀO ĐỊA GIỚI HÀNH
CHÍNH CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN
CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

(Kèm theo Thông báo số /TB-SKHCN ngày /10/2025 của Sở Khoa học và Công nghệ)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP THÀNH PHỐ (191 TTHC)

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Điểm tiếp nhận và trả kết quả	
			Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
1	1.013819	Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với tranh chấp của doanh nghiệp viễn thông thuộc phạm vi giấy phép cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trên một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	X	X
2	1.013877	Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với tranh chấp của doanh nghiệp viễn thông thuộc phạm vi giấy phép cung cấp dịch vụ không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)	X	X
3	1.013885	Ngừng kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với doanh nghiệp viễn thông không phải là doanh nghiệp viễn thông nắm giữ phương tiện thiết yếu, doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường hoặc doanh nghiệp thuộc nhóm doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường đối với thị trường dịch vụ viễn thông Nhà nước quản lý, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích (có giấy phép cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trên một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương) khi ngừng kinh doanh một phần hoặc toàn bộ các dịch vụ viễn thông	X	X

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Điểm tiếp nhận và trả kết quả	
			Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
4	1.013888	Ngừng kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với doanh nghiệp viễn thông không phải là doanh nghiệp viễn thông nắm giữ phương tiện thiết yếu, doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường hoặc doanh nghiệp thuộc nhóm doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường đối với thị trường dịch vụ viễn thông Nhà nước quản lý, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích (có giấy phép cung cấp dịch vụ không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)) khi ngừng kinh doanh một phần hoặc toàn bộ các dịch vụ viễn thông	X	X
5	1.013912	Đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông	X	X
6	1.013897	Thông báo cung cấp dịch vụ viễn thông đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông cơ bản trên Internet, dịch vụ điện toán đám mây, dịch vụ thư điện tử, dịch vụ thư thoại, dịch vụ fax gia tăng giá trị	X	X
7	1.013899	Cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)	X	X
8	1.013900	Cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	X	X
9	1.013901	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) đối với trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP	X	X
10	1.013902	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông	X	X

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Điểm tiếp nhận và trả kết quả	
			Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
		cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP		
11	1.013903	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đối với trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.	X	X
12	1.013904	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.	X	X
13	1.013905	Gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.	X	X
14	1.013906	Gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất).	X	X
15	1.013907	Cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.	X	X
16	1.013976	Cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung	X	X

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Điểm tiếp nhận và trả kết quả	
			Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
		cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất).		
17	1.013908	Thu hồi giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) và giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông.	X	X
18	1.013909	Thu hồi giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.	X	X
19	1.013913	Cấp giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động.	X	X
20	1.013914	Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động.	X	X
21	1.013915	Gia hạn giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động.	X	X
22	1.013917	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động.	X	X
23	1.013910	Phân bổ số thuê bao di động H2H theo phương thức đấu giá.	X	X
24	1.013911	Hoàn trả số thuê bao di động H2H được phân bổ theo phương thức đấu giá.	X	X
25	2.002777	Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá	X	X
26	2.002778	Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá.	X	X
27	2.002775	Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá	X	X
28	2.002779	Sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết	X	X

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Điểm tiếp nhận và trả kết quả	
			Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
		bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá.		
29	2.002781	Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư	X	X
30	2.002782	Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư	X	X
31	2.002776	Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư.	X	X
32	2.002787	Sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư.	X	X
33	2.002783	Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế).	X	X
34	2.002784	Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế).	X	X
35	2.002785	Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế).	X	X
36	2.002786	Sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế).	X	X
37	2.002788	Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ	X	X
38	2.002789	Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ	X	X
39	2.002780	Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ	X	X
40	2.002790	Sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ	X	X
41	1.013935	Cấp giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện cấp chứng chỉ vô tuyến điện nghiệp dư.	X	X
42	2.002793	Cấp đổi giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện cấp chứng chỉ vô tuyến điện nghiệp dư.	X	X
43	2.002791	Cấp giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện đào tạo, cấp chứng chỉ vô tuyến điện viên hàng hải.	X	X
44	2.002792	Cấp đổi giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện đào	X	X

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Điểm tiếp nhận và trả kết quả	
			Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
		tạo, cấp chứng chỉ vô tuyến điện viên hàng hải.		
45	1.011937	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp	X	X
46	1.011938	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp	X	X
47	1.011939	Thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp	X	X
48	1.013916	Thủ tục cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	X	X
49	1.013919	Thủ tục cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	X	X
50	1.013922	Thủ tục thu hồi chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	X	X
51	1.013924	Thủ tục ghi nhận tổ chức đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	X	X
52	1.013925	Thủ tục ghi nhận người đại diện sở hữu công nghiệp	X	X
53	1.013928	Thủ tục ghi nhận thay đổi thông tin của tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	X	X
54	1.013942	Thủ tục xóa tên tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	X	X
55	1.013954	Thủ tục xóa tên người đại diện sở hữu công nghiệp	X	X
56	1.013955	Thủ tục đăng ký dự kiểm tra nghiệp vụ đại diện sở hữu công nghiệp	X	X
57	1.013956	Thủ tục cấp Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp	X	X
58	1.013958	Thủ tục cấp lại Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp	X	X
59	1.013959	Thủ tục thu hồi Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp	X	X
60	1.013963	Thủ tục đăng ký dự kiểm tra nghiệp vụ giám định sở hữu công nghiệp	X	X
61	1.013966	Thủ tục cấp phó bản văn bằng bảo hộ và cấp lại văn bằng bảo hộ/phó bản văn bằng bảo hộ	X	X
62	1.013968	Thủ tục đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp	X	X
63	1.013970	Thủ tục ghi nhận việc sửa đổi nội dung, gia hạn, chấm dứt trước thời hạn hiệu lực hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp	X	X
64	1.013972	Thủ tục cấp phó bản, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối	X	X

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Điểm tiếp nhận và trả kết quả	
			Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
		tượng sở hữu công nghiệp		
65	1.013973	Thủ tục ra Quyết định bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng sáng chế	X	X
66	1.013974	Thủ tục yêu cầu chấm dứt quyền sử dụng sáng chế theo quyết định bắt buộc	X	X
67	2.002379	Thủ tục cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ (đối với người phụ trách an toàn cơ sở X-quang chẩn đoán trong y tế).	X	X
68	2.002380	Thủ tục cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế.	X	X
69	2.002381	Thủ tục gia hạn giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế.	X	X
70	2.002382	Thủ tục sửa đổi giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế.	X	X
71	2.002383	Thủ tục bổ sung giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	X	X
72	2.002384	Thủ tục cấp lại giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế.	X	X
73	2.002385	Thủ tục khai báo thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	X	X
74	1.013951	Cấp giấy phép sử dụng thiết bị bức xạ chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET, (PET/CT), tích hợp với SPECT (SPECT/CT); thiết bị bức xạ phát tia X trong phân tích huỳnh quang tia X, phân tích nhiễu xạ tia X, soi bo mạch, soi hiển vi điện tử, soi kiểm tra an ninh.	X	X
75	1.013971	Cấp Chứng chỉ nhân viên bức xạ cho người phụ trách an toàn trong sử dụng thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET, (PET/CT), tích hợp với SPECT (SPECT/CT); thiết bị bức xạ phát tia X trong phân tích huỳnh quang tia X, phân tích nhiễu xạ tia X, soi bo mạch, soi hiển vi điện tử, soi kiểm tra an ninh.	X	X
76	1.013948	Khai báo thiết bị bức xạ chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET, (PET/CT), tích hợp với SPECT (SPECT/CT); thiết bị bức xạ phát tia X trong phân tích huỳnh quang tia X, phân tích nhiễu xạ tia X, soi	X	X

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Điểm tiếp nhận và trả kết quả	
			Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
		bo mạch, soi hiển vi điện tử, soi kiểm tra an ninh		
77	1.014204	Gia hạn giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị bức xạ chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), tích hợp với SPECT (SPECT/CT); thiết bị bức xạ phát tia X trong phân tích huỳnh quang tia X, phân tích nhiễu xạ tia X, soi bo mạch, soi hiển vi điện tử, soi kiểm tra an ninh	X	X
78	1.014206	Sửa đổi giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị bức xạ chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), tích hợp với SPECT (SPECT/CT); thiết bị bức xạ phát tia X trong phân tích huỳnh quang tia X, phân tích nhiễu xạ tia X, soi bo mạch, soi hiển vi điện tử, soi kiểm tra an ninh	X	X
79	1.014207	Bổ sung giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị bức xạ chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), tích hợp với SPECT (SPECT/CT); thiết bị bức xạ phát tia X trong phân tích huỳnh quang tia X, phân tích nhiễu xạ tia X, soi bo mạch, soi hiển vi điện tử, soi kiểm tra an ninh	X	X
80	1.014205	Cấp lại giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị bức xạ chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), tích hợp với SPECT (SPECT/CT); thiết bị bức xạ phát tia X trong phân tích huỳnh quang tia X, phân tích nhiễu xạ tia X, soi bo mạch, soi hiển vi điện tử, soi kiểm tra an ninh	X	X
81	2.001209	Thủ tục đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả chứng nhận hợp chuẩn của tổ chức chứng nhận.	X	X
82	2.001207	Thủ tục đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh.	X	X
83	2.001277	Thủ tục đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước, dịch vụ, quá trình, môi trường được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành.	X	X
84	2.002253	Thủ tục cấp Giấy xác nhận đăng ký hoạt động xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hóa của tổ chức, cá nhân	X	X

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Điểm tiếp nhận và trả kết quả	
			Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
85	2.001208	Thủ tục chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp hoạt động thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận.	X	X
86	2.001100	Thủ tục thay đổi, bổ sung phạm vi, lĩnh vực đánh giá sự phù hợp được chỉ định	X	X
87	2.001501	Thủ tục cấp lại Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp.	X	X
88	2.001259	Thủ tục kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu	X	X
89	1.001392	Thủ tục miễn giảm kiểm tra chất lượng hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu.	X (chỉ trả kết quả trực tuyến)	X
90	2.001269	Thủ tục đăng ký tham dự sơ tuyển xét tặng giải thưởng chất lượng quốc gia.	X	X
91	2.000212	Thủ tục công bố sử dụng dấu định lượng	X	X
92	1.000449	Thủ tục điều chỉnh nội dung bản công bố sử dụng dấu định lượng.	X	X
93	3.000450	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường	X	X
94	3.000463	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường	X	X
95	3.000452	Thủ tục chấm dứt hiệu lực của giấy chứng nhận đăng ký khi nhận được đề nghị không tiếp tục thực hiện toàn bộ lĩnh vực hoạt động đã được chứng nhận đăng ký của tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm	X	X
96	3.000453	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa	X	X
97	3.000451	Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa	X	X
98	3.000454	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa	X	X
99	3.000455	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong quá trình sử dụng	X	X
100	3.000456	Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi giấy chứng nhận	X	X

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Điểm tiếp nhận và trả kết quả	
			Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
		đăng ký hoạt động kiểm định chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong quá trình sử dụng		
101	3.000457	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong quá trình sử dụng	X	X
102	3.000458	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định chất lượng sản phẩm, hàng hóa	X	X
103	3.000460	Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định chất lượng sản phẩm, hàng hóa	X	X
104	3.000459	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định chất lượng sản phẩm, hàng hóa	X	X
105	3.000461	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận sản phẩm, hệ thống quản lý	X	X
106	3.000462	Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận sản phẩm, hệ thống quản lý	X	X
107	3.000464	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chứng nhận sản phẩm, hệ thống quản lý	X	X
108	3.000469	Thủ tục chứng nhận chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2	X	X
109	3.000470	Thủ tục điều chỉnh quyết định chứng nhận chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2	X	X
110	3.000471	Thủ tục hủy bỏ hiệu lực của quyết định chứng nhận chuẩn đo lường	X	X
111	3.000488	Thủ tục chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường	X	X
112	3.000472	Thủ tục điều chỉnh nội dung quyết định chứng nhận, cấp thẻ, cấp lại thẻ kiểm định viên đo lường	X	X
113	3.000473	Thủ tục hủy bỏ hiệu lực của quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường	X	X
114	3.000474	Thủ tục cấp Giấy xác nhận đăng ký hoạt động xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hoá của tổ chức, cá nhân (đối với các giải thưởng do cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã - hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội – nghề nghiệp, Hội, Hiệp hội ở Trung ương, Sở Khoa học và Công nghệ các tỉnh, thành phố tổ chức)	X	X

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Điểm tiếp nhận và trả kết quả	
			Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
115	3.000475	Thủ tục cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện tư vấn Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho tổ chức tư vấn.	X	X
116	3.000476	Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện tư vấn Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho tổ chức tư vấn.	X	X
117	3.000477	Thủ tục cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện tư vấn Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho chuyên gia tư vấn độc lập.	X	X
118	3.000478	Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện tư vấn Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho chuyên gia tư vấn độc lập.	X	X
119	3.000479	Thủ tục cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho tổ chức chứng nhận	X	X
120	3.000480	Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho tổ chức chứng nhận.	X	X
121	3.000481	Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện tư vấn, đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho tổ chức tư vấn, chuyên gia tư vấn độc lập, tổ chức chứng nhận và thẻ cho chuyên gia trong trường hợp bị mất, hỏng hoặc thay đổi tên, địa chỉ liên lạc.	X	X
122	3.000482	Thủ tục cấp bổ sung thẻ chuyên gia tư vấn, thẻ chuyên gia đánh giá cho tổ chức tư vấn, tổ chức	X	X

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Điểm tiếp nhận và trả kết quả	
			Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
		chứng nhận.		
123	3.000483	Thủ tục cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện đào tạo về tư vấn, đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 cho chuyên gia tư vấn, đánh giá thực hiện tư vấn, đánh giá tại cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước.	X	X
124	3.000484	Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện đào tạo về tư vấn, đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 cho chuyên gia tư vấn, đánh giá thực hiện tư vấn, đánh giá tại cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước.	X	X
125	3.000485	Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện đào tạo về tư vấn, đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 cho chuyên gia tư vấn, đánh giá thực hiện tư vấn, đánh giá tại cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước trong trường hợp bị mất, hỏng hoặc thay đổi tên, địa chỉ liên lạc	X	X
126	3.000486	Thủ tục cấp Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố đủ năng lực thực hiện hoạt động đào tạo.	X	X
127	3.000487	Thủ tục cấp Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố bổ sung, điều chỉnh phạm vi đào tạo.	X	X
128	3.000259	Thủ tục đặt và tặng giải thưởng về khoa học và công nghệ của tổ chức, cá nhân cư trú hoặc hoạt động hợp pháp tại Việt Nam	X	X
129	1.008377	Thủ tục xét tiếp nhận vào viên chức và bổ nhiệm vào chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ đối với cá nhân có thành tích vượt trội trong hoạt động khoa học và công nghệ	X	X
130	1.008379	Thủ tục xét đặc cách bổ nhiệm vào chức danh khoa học, chức danh công nghệ cao hơn không qua thi thăng hạng, không phụ thuộc năm công tác	X	X
131	2.002609	Thủ tục xác nhận dự án đầu tư đáp ứng nguyên tắc hoạt động công nghệ cao trong khu công nghệ cao	X	X
132	2.002709	Thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước	X	X
133	2.002710	Thủ tục đăng ký tham gia tuyển chọn nhiệm vụ	X	X

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Điểm tiếp nhận và trả kết quả	
			Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
		khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước		
134	2.002711	Thủ tục đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước	X	X
135	2.002502	Thủ tục yêu cầu hỗ trợ từ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	X	X
136	2.000079	Thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước mà có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính mạng, sức khỏe con người	X	X
137	2.002144	Đánh giá đồng thời thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước mà có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính mạng, sức khỏe con người	X	X
138	2.002248	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ).	X	X
139	2.002249	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ)	X	X
140	2.002544	Thủ tục cấp giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao	X	X
141	2.002546	Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao	X	X
142	2.002548	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao	X	X
143	1.012353	Thủ tục xác định dự án đầu tư có hoặc không sử dụng công nghệ lạc hậu, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, thâm dụng tài nguyên	X	X
144	1.011818	Đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tài trợ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành	X	X

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Điểm tiếp nhận và trả kết quả	
			Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
		phổ trực thuộc trung ương		
145	1.011820	Đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước	X	X
146	1.011819	Đăng ký thông tin kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được mua bằng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	X	X
147	1.001786	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lần đầu cho tổ chức khoa học và công nghệ	X	X
148	1.001770	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ	X	X
149	1.001747	Thay đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ	X	X
150	1.001716	Cấp Giấy chứng nhận hoạt động lần đầu cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ	X	X
151	1.001693	Cấp lại Giấy chứng nhận hoạt động cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ	X	X
152	1.001677	Thay đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận hoạt động cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ	X	X
153	1.011814	Thủ tục hỗ trợ kinh phí, mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu.	X	X
154	1.011815	Thủ tục mua sáng chế, sáng kiến.	X	X
155	1.011816	Thủ tục hỗ trợ kinh phí hoặc mua công nghệ được tổ chức, cá nhân trong nước tạo ra từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để sản xuất sản phẩm quốc gia, trọng điểm, chủ lực.	X	X
156	2.001143	Thủ tục hỗ trợ phát triển tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ	X	X
157	2.001137	Thủ tục hỗ trợ doanh nghiệp có dự án thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư, địa bàn ưu đãi đầu tư nhận chuyển giao công nghệ từ tổ chức khoa học và công nghệ	X	X
158	1.002690	Thủ tục hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thực hiện giải mã công nghệ	X	X
159	2.001643	Thủ tục hỗ trợ tổ chức khoa học và công nghệ có	X	X

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Điểm tiếp nhận và trả kết quả	
			Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
		hoạt động liên kết với tổ chức ứng dụng, chuyển giao công nghệ địa phương để hoàn thiện kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.		
160	1.006427	Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước.	X	X
161	2.001179	Thủ tục xác nhận hàng hóa sử dụng trực tiếp cho phát triển hoạt động ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ	X	X
162	2.002278	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ	X	X
163	2.001525	Thủ tục cấp thay đổi nội dung, cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ	X	X
164	1.011812	Thủ tục công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu	X	X
165	1.013918	Chấp thuận chuyển giao công nghệ	X	X
166	1.013927	Cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ	X	X
167	1.013931	Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ	X	X
168	1.013933	Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ.	X	X
169	1.013936	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ.	X	X
170	1.013939	Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ.	X	X
171	1.013940	Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ.	X	X
172	1.013943	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ.	X	X
173	1.013944	Xác nhận phương tiện vận tải chuyên dùng trong dây chuyền công nghệ sử dụng trực tiếp cho hoạt động sản xuất của dự án đầu tư.	X	X
174	1.013938	Cho phép thành lập và phê duyệt điều lệ của tổ chức khoa học và công nghệ có vốn nước ngoài.	X	X
175	1.013941	Cấp Giấy phép thành lập lần đầu cho Văn phòng đại diện, Chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ nước ngoài tại Việt Nam.	X	X
176	1.013920	Đề nghị thành lập tổ chức khoa học và công nghệ	X	X

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Điểm tiếp nhận và trả kết quả	
			Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
		trực thuộc ở nước ngoài.		
177	1.013926	Đề nghị thành lập Văn phòng đại diện, Chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ Việt Nam ở nước ngoài.	X	X
178	1.013957	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao cho tổ chức	X	X
179	1.013960	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao cho cá nhân.	X	X
180	1.013961	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp công nghệ cao	X	X
181	1.013964	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ cao cho tổ chức.	X	X
182	1.013969	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ cao cho cá nhân.	X	X
183	2.002794	Cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển	X	X
184	2.002795	Cấp giấy chứng nhận cơ sở ương tạo công nghệ cao, ương tạo doanh nghiệp công nghệ cao	X	X
185	1.003659	Cấp giấy phép bưu chính	X	X
186	1.003687	Sửa đổi, bổ sung giấy phép bưu chính	X	X
187	1.003633	Cấp lại giấy phép bưu chính khi hết hạn	X	X
188	1.004379	Cấp lại giấy phép bưu chính khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được	X	X
189	1.004470	Cấp văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính	X	X
190	1.005442	Cấp lại văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được.	X	X
191	1.010902	Sửa đổi, bổ sung văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính.	X	X

Ghi chú: “Thủ tục miễn giảm kiểm tra chất lượng hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu” chỉ trả kết quả trực tuyến do quy định chỉ có 01 ngày làm việc (tổ chức, cá nhân có thể nhận bản giấy kết quả ngoài địa bàn phường Ninh Kiều sau thời gian nêu trên).

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ (03 TTHC)

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Điểm tiếp nhận và trả kết quả	
			Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
1	2.002722	Thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước	X	X
2	2.002723	Thủ tục đăng ký tham gia tuyển chọn nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước	X	X
3	2.002724	Thủ tục đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước	X	X